TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 386/2025/DS-PT
Ngày 15 – 9 – 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Trịnh Xuân Miễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 243/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Hoàng V, sinh năm 1968;

Địa chỉ cư trú: Khóm G, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ N, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967;

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Nguyễn Vũ N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Dương Hoàng V cho ông Nguyễn Văn T vay tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 08/7/2013 ông T vay 5.000.000 đồng, ngày 12/7/2013 ông T vay 10.000.000 đồng, ngày 12/3/2014 ông T vay 55.000.000 đồng. Các biên nhận do ông T tự tay viết và ký tên, các khoản tiền này là nợ vay nhưng nội dung ghi là mượn, do là chỗ

quen biết nên đôi bên không thoả thuận lãi suất cố định mà thoả thuận hàng tháng ông T có bao nhiêu tiền thì đóng lãi cho ông V bấy nhiêu. Từ thời điểm vay đến nay, ông T không trả vốn và lãi cho ông V. Ông V yêu cầu ông T trả vốn vay theo 03 biên nhận trên tổng số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến ngày ông V khởi kiện (từ ngày 01/4/2014 đến ngày 21/11/2024), với mức lãi suất 1,66%/tháng, bằng số tiền 147.574.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông V yêu cầu ông T trả là 217.574.000 đồng (trong đó, vốn là 70.000.000 đồng và lãi là 147.574.000 đồng).

Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông xác định chữ viết, ký Nguyễn Văn T trên biên nhận ngày 08/7/2013 số tiền 5.000.000 đồng là do ông viết, ký ra. Ông đã trả khoản tiền này cho ông V nhưng không lấy lại biên nhận để tiêu huỷ nên nay ông V vẫn còn giữ biên nhận đối với khoản tiền này.

Ông xác định chữ viết, ký Nguyễn Văn T trên biên nhận ngày 12/3/2014 và biên nhận ngày 12/7/2013 không phải do ông viết, ký ra.

Ông T xác định có vay của ông V số tiền 50.000.000 đồng nhưng được viết vào 01 biên nhận khác, ông chỉ viết 01 biên nhận và giao cho ông Văn G nên ông T không còn để nộp cho Toà án. Đối với khoản vay này, đôi bên thoả thuận lãi suất 7.500.000 đồng/tháng. Ông đã trả lãi từ thời điểm vay đến hết ngày 30/6/2016 theo mức lãi thoả thuận. Ông không trả lãi cho ông V từ tháng 7/2016 đến nay. Ông chưa trả vốn 50.000.000 đồng cho ông V. Như vậy, thời gian tính lãi được xác định từ ngày 01/7/2016 đến ngày 21/11/2024, không phải từ ngày 01/4/2014 như ông V yêu cầu. Ông đồng ý mức lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền vay 50.000.000 đồng. Do ông T đã trả lãi cho ông V quá nhiều và hiện nay điều kiện kinh tế của ông T đang khó khăn nên ông T đồng ý trả cho ông V tổng số tiền 80.000.000 đồng, trong đó vốn 50.000.000 đồng và lãi 30.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 191/2025/DS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hoàng V. Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông Dương Hoàng V số tiền 217.574.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/6/2025, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Ông N: Không tranh luận.

Ông T: Không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án

dân sự sơ thẩm số: 191/2025/DS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T còn trong hạn luật định.

[2] Xét vốn vay: Nguyên đơn ông Dương Hoàng V yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T trả nợ vốn vay số tiền 70.000.000 đồng kèm theo 03 biên nhận: Biên nhận ngày 08/7/2013 vay số tiền 5.000.000 đồng, biên nhận ngày 12/7/2013 vay số tiền 10.000.000 đồng và biên nhận ngày 12/3/2014 vay số tiền 55.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với khoản vay ngày 08/7/2013 số tiền 5.000.000 đồng: Ông Nguyễn Văn T thừa nhận có vay số tiền 5.000.000 đồng, có làm biên nhận ngày 08/7/2013 và ông T đã trả khoản tiền này cho ông V xong nên không đồng ý theo yêu cầu của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh khoản nợ 5.000.000 đồng ông T đã trả cho ông V, trong khi ông V không thừa nhận đã nhận, nên ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông V là phù hợp.

[2.2] Đối với các khoản vay ngày 12/7/2013 số tiền 10.000.000 đồng có biên nhận và ngày 12/3/2014 số tiền 55.000.000 đồng có biên nhận: Ông Nguyễn Văn T không thừa nhận biên nhận do ông T viết, ký ra nên ông T không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử căn cứ vào Kết luận giám định số 117/KL-KTHS ngày 25/8/2025 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận về đối tượng giám định: "Chữ ký, chữ viết trên 02 biên nhận ngày 12/7/2013, ngày 12/3/2014 DL so với chữ ký, chữ viết Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định ông T có vay nợ của ông V theo 02 biên nhận nợ nên ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông V là phù hợp.

Từ nhận định [2.1] và [2.2] có đủ cơ sở xác định ông V có cho ông T vay tổng số tiền là 70.000.000 đồng bằng 03 biên nhận: Biên nhận ngày 08/7/2013 vay số tiền 5.000.000 đồng, biên nhận ngày 12/7/2013 vay số tiền 10.000.000 đồng và biên nhận ngày 12/3/2014 vay số tiền 55.000.000 đồng và trong quá trình vay ông T chưa trả số tiền vốn cho ông V nên buộc ông T trả là phù hợp.

[3] Xét lãi vay:

Ông V cho rằng từ thời điểm vay đến nay ông T không trả lãi cho ông V. Ông T xác định có trả lãi theo mức lãi suất 7.500.000 đồng/tháng trên số tiền vay 50.000.000 đồng từ ngày 01/4/2014 đến ngày 30/6/2016.

Xét thấy, ông T xác định có trả lãi cho ông V nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh trong khi ông V không thừa nhận. Nên không có cơ sở để xác định ông T có trả lãi cho ông V như trình bày của ông T. Do ông T chưa trả lãi cho ông V nên ông V yêu cầu tính lãi từ ngày 01/4/2014 đến ngày 21/11/2024, Tòa án sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở. Đối với mức lãi suất ông

V yêu cầu là 1,66%/tháng và được ông T đồng ý. Do mức lãi suất 1,66%/tháng hai bên đương sự thỏa thuận tại Tòa án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được xác định như sau: 70.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 127 tháng = 147.574.000 đồng.

Từ [2] và [3] thì tổng số tiền vốn và lãi ông T phải trả cho ông V là 217.574.000 đồng (trong đó, vốn 70.000.000 đồng và lãi 147.574.000 đồng).

Như vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn buộc ông T trả cho ông V số tiền 217.574.000 đồng là phù hợp. Do đó, kháng cáo của ông T không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ với số tiền 7.220.000 đồng, ông T đã nộp và đối chiếu xong.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 191/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vự 3 – Cà Mau).

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hoàng V.

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông D Hoàng V số tiền 217.574.000 đồng (hai trăm mười bảy triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án, nếu ông T chậm thi hành thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí số tiền 10.879.000 đồng (mười triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng), ông T chưa nộp.

2.2. Ông Dương Hoàng V không phải chịu án phí; ngày 10/02/2025 ông V đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 5.248.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005187 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau), ông V được nhận lại.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0005787 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau), được chuyển thu.

4. Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 7.220.000 đồng (bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), ông T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- TAND Khu vực 3 - Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tiêu Hồng Phượng